

Bản án số: **01/2020/DS-ST**

Ngày: 08-01-2020

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành;
2. Ông Phạm Xuân Đỉnh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hạnh- Cán bộ tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/TLST-DS ngày 17/9/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXX-ST ngày 21/11/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐST-DS ngày 20/12/2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần A, địa chỉ: Số 25bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường A, quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGD ngày 21/02/2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức Nhật H1 (***Quyết định ủy quyền số 345/2019/UQ-HDB ngày 22/8/2019***). (Có mặt)

2. ***Bị đơn:***

2.1. Ông Trần Hùng C, sinh năm 1951, địa chỉ trú tại: Tổ 05, ấp 4, xã M, huyện C , tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

2.2. Bà Lê Xuân M, sinh năm: 1958, địa chỉ trú tại: Tổ 05, ấp 4, xã M, huyện C , tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1980, địa chỉ cư trú: Ấp Bào Teng, xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; (Có mặt)

3.2. Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1986, địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; (Vắng mặt)

3.3. Bà Trần Thanh T, sinh năm: 1984, địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Nhật Huy trình bày:

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần A có cho ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) tại Hợp đồng tín dụng số: 20707/17MN/HĐTD, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Ngân hàng cho ông C, bà M vay theo hình thức trả dần nợ gốc, mỗi năm trả 200.000.000 đồng, tức đến 25/12/2018 phải trả 200.000.000 đồng nợ gốc và trả lãi theo kỳ hạn 03 tháng /lần. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, hộ gia đình ông C, bà M đã thế chấp quyền sử dụng 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 301, tờ bản đồ số 19, diện tích 12368,5m², đất tọa lạc tại: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 393354 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho hộ ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 19, diện tích 412,5m², đất tọa lạc tại: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 398496 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho ông Trần Hùng C.

Do ông C, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông C, bà M và ông H phải trả tổng số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (08/1/2020) là 1.125.980.730 đồng (nợ gốc 934.999.767 đồng, lãi 154.419.618 đồng, lãi quá hạn: 36.561.345 đồng).

Nếu ông C, bà M và ông H không trả được nợ thì Ngân hàng được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H trình bày:

Ông H là con ruột của ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M. Do ông C, bà M vay số tiền 1.000.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A để cho ông H làm vốn kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán kỳ đầu tiên với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà M và ông H phải trả tổng số nợ gốc và tiền lãi. Ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng do điều kiện kinh tế hiện đang khó khăn, ông H xin trả làm 2 lần, cụ thể đến tháng 2/2020 trả ½ số nợ gốc và lãi; Đến 31/12/2020 trả hết số nợ còn lại. Trường hợp ông H không trả được nợ theo cam

kết thì ngân hàng có quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P, bà Trần Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp 01 bảng tính tiền gốc và lãi chi tiết của Ngân hàng đối với bị đơn tính đến ngày 08/01/2020.

- Bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh H có mặt. Ông Trần Thanh P, chị Trần Thanh T vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 8, Điều 6 Hợp đồng tín dụng, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21 Thông tư 39, khoản 3 Điều 13 Thông tư 39, điều 325 khoản 1 Bộ luật dân sự 2015, tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Hùng C và bà Lê Xuân M có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi suất cho phía ngân hàng.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ theo bản án, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 do Ngân hàng Thương mại cổ phần A đứng đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M, địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh P, chị Trần Thanh T vắng mặt đến lần thứ 2 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. **Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của Hợp đồng tín dụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, được các đương sự thống nhất. Do vậy, hợp đồng Tín dụng số: 20107/17MN/HĐTD giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M ký kết ngày 25/12/2017 là hợp đồng hợp pháp, buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng số 20107/17MN/HĐTD Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) cho bên vay ông C, bà M vào ngày 25/12/2017. Theo hợp đồng thì thời hạn vay là 60 tháng, trả nợ gốc theo kỳ, mỗi kỳ 200.000.000 đồng, kỳ đầu tiên đến hạn là ngày 25/12/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/12/2018 ông C, bà M có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 65.504.843 đồng (tiền nợ gốc 65.000.230 đồng, tiền lãi 504.610 đồng), từ đó đến nay không thanh toán được thêm khoản tiền nào nữa. Số tiền nợ gốc phải trả kỳ đầu tiên đến hạn (ngày 25/12/2018) và tiền lãi đến nay ông C, bà M vẫn chưa trả. Như vậy, ông C, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Thanh H xác định số tiền ông C, bà M vay của ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh để đưa cho ông H sử dụng nên ông H đồng ý có trách nhiệm trả nợ chung với ông C, bà M điều này cũng phù hợp với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng được ông C, bà M ký kết với Ngân hàng không có sự thỏa thuận này và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông C, bà M không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ mà chỉ chấp nhận yêu cầu buộc ông C, bà M phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Như vậy, ông C, bà M phải thanh toán cho Ngân hàng HDBank tổng số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (08/1/2020) là 1.125.980.730 đồng (nợ gốc 934.999.767 đồng, lãi 154.419.618 đồng, lãi quá hạn: 36.561.345 đồng). Đồng thời ông C, bà M phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 20707/17MN/HĐTD giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M ký kết ngày 25/12/2017 trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 09/01/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông C, bà M, giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M, ông Trần

Thanh H, bà Trần Thanh T, ông Trần Thanh P có thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17258/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017 đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 19, diện tích 412,5m² tọa lạc tại ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, sổ sổ AB 398496, sổ vào sổ H-01249 được UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 17257/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017 đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 17, diện tích 12.368,5m², tọa lạc tại ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước sổ vào sổ H-00637 đất được UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho hộ ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M.

Các hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Phước ngày 25/12/2017. Đồng thời, có đăng ký thế chấp tại các thửa đất trên tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/12/2017. Như vậy, xét về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, buộc các bên có nghĩa vụ thi hành.

Căn cứ vào Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 17258/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 17257/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong trường hợp ông C, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng có quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M, bà Trần Thanh T, ông Trần Thanh P, mặc dù không đến Tòa án làm việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng có ký tên, lăn vân tay tại 02 hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác nêu trên, điều này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất trong hợp đồng số 17258/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 17257/17MN/HĐBĐ ngày 25/12/2017 khi ông C, bà M không trả nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.027.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003788 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông C, bà M phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 1.125.980.730 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 325.980.730 đồng) = 45.779.422 đồng

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất tự chịu số tiền 2.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317, 323, 463, 466, 468, 470 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng 20107/17MN/HĐTD ký kết ngày 25/12/2017 tổng số tiền là: 1.125.980.730 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ngàn bảy trăm ba mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 934.999.767 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 154.419.618 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 36.561.345 đồng)

Ông C, bà M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 11%/năm, kể từ ngày 08/1/2020 cho đến khi ông C, bà M thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 547, tờ bản đồ số 19, diện tích 412,5m² tọa lạc tại ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, sổ sổ AB 398496, sổ vào sổ H-01249 được UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M và thửa đất số 301, tờ bản đồ số 17, diện tích 12.368,5m², tọa lạc tại ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước sổ vào sổ H-00637 đất được UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2006 cho hộ ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M để thu hồi nợ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Trần Hùng C, bà Lê Xuân M phải chịu án phí kinh doanh thương mại với số tiền: 45.779.422 đồng

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.027.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003788 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn ông H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông C, bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà